

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG
Số: 1413 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày 18 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, ban ngành;
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2017, tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 2
TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số.....1205/.....
Ngày 26/7/2018
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ gốc:.....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng từ nay đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính, đánh giá đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2017, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ kết quả công bố, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 tổ chức quán triệt, đánh giá nghiêm túc những hạn chế, tồn tại trong quá trình chỉ đạo, điều hành, hoạt động cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị mình, từ đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

Điều 3. Giao Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Thông tin kết quả tổng hợp và kết quả chấm điểm chi tiết theo từng tiêu chí và tiêu chí thành phần cho các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh biết.

2. Căn cứ kết quả, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính được công bố làm cơ sở để tham mưu UBND tỉnh xét thi đua, khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị.

3. Chủ trì theo dõi tình hình triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh trong kỳ công bố sau.

4. Đăng tải công khai Báo cáo chi tiết Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng trên Trang thông tin điện tử cải cách hành chính tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Sóc Trăng;
- Lưu: TH, QT, HC. *huy*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Chuyện



PHỤ LỤC I

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017
CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1413 /QĐ-UBND ngày 18 /6/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá (đã thẩm định)	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	Chỉ số PAR INDEX
				Khảo sát CBCC VC, lãnh đạo quản lý	Khảo sát người dân, doanh nghiệp (Chỉ số SIPAS)		
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	98.50	55.25	17.38	10.82	83.44	84.71%
2	Sở Giao thông vận tải	96.50	51.50	15.25	10.86	77.61	80.42%
3	Sở Tư pháp	97.00	48.13	18.13	10.86	77.11	79.49%
4	Sở Nội vụ	97.00	49.25	15.50	11.75	76.50	78.87%
5	Sở Tài chính	93.50	45.75	15.63	11.63	73.01	78.08%
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	98.00	45.92	15.38	10.86	72.15	73.63%
7	Sở Công Thương	96.50	44.25	14.63	12.01	70.89	73.46%
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	97.50	45.25	13.63	10.86	69.73	71.52%
9	Sở Xây dựng	96.50	43.88	14.25	10.86	68.98	71.49%
10	Sở Y tế	98.00	42.50	15.88	11.62	70.00	71.43%
11	Thanh tra	92.50	39.50	15.88	9.69	65.07	70.34%
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	94.00	37.00	14.88	13.21	65.08	69.24%
13	Trường Cao đẳng Nghề	69.50	22.13	13.63	11.80	47.55	68.42%
14	Sở Thông tin và Truyền thông	95.50	37.93	14.63	12.57	65.12	68.19%
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp	95.00	34.75	15.63	12.70	63.07	66.39%
16	Sở Khoa học và Công nghệ	95.00	36.36	13.00	12.55	61.91	65.17%
17	Ban Dân tộc	90.50	30.88	14.13	12.59	57.59	63.64%
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	99.00	33.88	15.63	10.86	60.36	60.97%
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94.00	29.13	15.38	10.26	54.76	58.26%
20	Trường Cao đẳng Cộng đồng	69.50	11.37	12.00	11.35	34.72	49.95%

(*) Chỉ số PAR INDEX: Chỉ số cải cách hành chính

(**) Chỉ số SIPAS: Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước



PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1413 /QĐ-UBND ngày 18 /6/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá (đã thẩm định)	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	Chỉ số PAR INDEX
				Khảo sát CBCCVC, lãnh đạo quản lý	Khảo sát người dân, doanh nghiệp (Chỉ số SIPAS)		
1	Huyện Thạnh Trị	98	47.63	16.13	16.29	80.04	81.67%
2	Huyện Cù Lao Dung	100	49.50	15.63	14.08	79.20	79.20%
3	Huyện Mỹ Xuyên	98	48.00	15.38	14.08	77.45	79.03%
4	Huyện Long Phú	100	45.88	15.13	16.15	77.15	77.15%
5	Thành phố Sóc Trăng	100	44.63	16.50	14.08	75.20	75.20%
6	Thị xã Ngã Năm	98	44.25	14.63	14.08	72.95	74.44%
7	Huyện Châu Thành	98	40.75	14.75	14.99	70.49	71.93%
8	Huyện Kế Sách	100	38.38	15.75	16.98	71.11	71.11%
9	Thị xã Vĩnh Châu	100	40.45	15.75	14.08	70.27	70.27%
10	Huyện Mỹ Tú	98	36.84	14.75	14.08	65.66	67.00%
11	Huyện Trần Đề	98	34.88	15.13	14.97	64.97	66.29%

(*) Chỉ số PAR INDEX: Chỉ số cải cách hành chính

(**) Chỉ số SIPAS: Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 7 năm 2018

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Ý kiến của Chánh Văn phòng (Phó Chánh Văn phòng) Ban QLDA 2:

Kính trình Giám đốc

VP.

Lưu VT

Ý kiến của Giám đốc (Phó Giám đốc) Ban QLDA 2:

Ule